

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY VÀ HỌC KĨ NĂNG GIAO TIẾP TẠI HỌC VIỆN KHOA HỌC QUÂN SỰ

○ THS. NGUYỄN THỊ THU HÀ*

Bên cạnh trang bị kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, việc đào tạo (ĐT) và phát triển các kĩ năng giao tiếp (KNGT) cho quân nhân để họ có đủ các KNGT thực hiện các nhiệm vụ được giao là việc phải được làm thường xuyên bởi nó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả thực hiện nhiệm vụ của mỗi học quân nhân. Hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ được giao, bên cạnh việc giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, quân nhân rất cần thiết được trang bị những kĩ năng mềm, đặc biệt là KNGT - ứng xử. Để nâng cao chất lượng dạy và học KNGT tại Học viện khoa học quân sự (HVKHQQS), theo chúng tôi, cần thực hiện một số biện pháp sau:

1. Dạy học (DH) theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập (HT) của học viên (HV), chú trọng dạy phương pháp (PP) tự học cho HV

Bản chất quá trình DH là sự thống nhất biện chứng của hai quá trình dạy và học. Sự thống nhất đó đòi hỏi phải có sự tích cực, chủ động sáng tạo của cả người dạy và người học. Giảng viên (GV) là chủ thể của hoạt động giảng dạy, giữ vai trò chủ đạo trong toàn bộ tiến trình DH; là người xây dựng và thực thi kế hoạch giảng dạy bộ môn, người tổ chức cho HV thực hiện hoạt động học với mọi hình thức, trong những thời gian và không gian khác nhau. Trên nguyên tắc phát huy tính tích cực nhận thức của HV, GV tổ chức và điều khiển quá trình học tập của HV, làm cho việc HT trở thành hoạt động độc lập có ý thức. Bằng sự khéo léo của PP sư phạm, GV khai thác tiềm năng trí tuệ, kiến thức và kinh nghiệm sống của HV, giúp HV tìm ra PP HT sáng tạo, tự nắm lấy kiến thức và hình thành các kĩ năng hành động.

HV là chủ thể của hoạt động học - chủ thể có ý thức, chủ động, tích cực và sáng tạo trong nhận thức và rèn luyện nhân cách. HV phải xác định được mục đích học tập, có động cơ và thái độ HT nghiêm túc, có kế hoạch học tập chủ động và luôn tích cực thực hiện tốt kế hoạch đó. Tích cực học tập thể hiện ở cả hai mặt: chuyên cần và tích

sâu sắc trong hoạt động trí tuệ. Cách học tích cực thể hiện trong việc tìm kiếm, xử lí thông tin và vận dụng chúng trong giải quyết các tình huống thực tiễn, thể hiện trong sự tìm tòi khám phá vấn đề mới bằng PP mới, cái mới không sao chép mà là sự sáng tạo của mỗi cá nhân. Hoạt động dạy và hoạt động học luôn gắn bó không tách rời nhau, thống nhất biện chứng với nhau, tạo thành một hoạt động chung. Dạy điều khiển học, học tuân thủ dạy. Tuy nhiên, việc học phải chủ động, cách học phải thông minh và PP phải sáng tạo. HV phải biết kết hợp nhuần nhuyễn giữa học và hành: hành để học và học để hành có chất lượng tốt hơn.

2. Đổi mới PPDH theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong HT của HV

PPDH là một thành tố hết sức quan trọng trong quá trình DH. Khi đã xác định được mục đích, nội dung chương trình DH, thì PP dạy và học của GV và HV quyết định chất lượng DH. KNGT là môn học không những tác động đến mặt nhận thức của HV mà còn hình thành các kĩ năng. Vì vậy, HV không chỉ ngồi nghe các kiến thức lí thuyết mà cần tăng cường các hoạt động thực hành. Nếu không đổi mới PPDH thì môn học sẽ trở nên nhàm chán, không thu được hứng thú cho HV.

PPDH phát huy tính tích cực của HV là PPDH trong đó tạo ra các mâu thuẫn đưa HV vào một tình huống nhận thức và giúp HV tự lực, sáng tạo tìm tòi cách giải quyết vấn đề, qua đó mà nắm kiến thức. Mấu chốt của PP này là tạo ra được các tình huống có vấn đề, trên cơ sở tạo ra các mâu thuẫn khách quan, HV chấp nhận được và tìm cách giải quyết. Trên cơ sở tạo dựng các tình huống nhận thức, GV dẫn dắt HV tìm cách giải đáp. Có thể GV thuyết trình nêu mâu thuẫn, đưa mâu thuẫn tới đỉnh điểm và tự mình tháo gỡ (gọi là thuyết trình nêu vấn đề). Có thể sử dụng tập thể HV thảo luận và tìm quan điểm chung và GV cùng HV khẳng định. Và cao nhất là HV tìm các

* Học viện Khoa học quân sự

tài liệu lí thuyết hay thực tế đã có để suy luận chứng minh. Nghệ thuật của GV là tạo ra các tình huống. Dich cuối cùng của PP này là sử dụng tối đa trí tuệ và tình tích cực của HV vào HT để tự lực tìm ra kiến thức.

PPDH này cần có phương tiện kĩ thuật hiện đại hỗ trợ, phương tiện là công cụ phục vụ cho PP đạt tới kết quả cao. Lựa chọn và sử dụng một loại PP gắn liền với việc lựa chọn và sử dụng một loại phương tiện. Theo yêu cầu của PP mà tìm tài, mà sản xuất các phương tiện dạy học thích hợp. Mỗi bài giảng sử dụng nhiều PP, mỗi PP bao gồm nhiều thao tác, cho nên quá trình giảng dạy bao giờ cũng là sự phối hợp nhiều PP, với nhiều thao tác. Việc lựa chọn hợp lí và sử dụng nhuần nhuyễn các PPDH đó chính là nghệ thuật sư phạm.

3. Phát huy tính tích cực HT KNGT của HV trong quá trình DT

Tính tích cực HT của HV thể hiện ở các mặt:

- Về nhận thức: HV nhận thức đúng đắn, sâu sắc về mục đích HT, ý nghĩa tầm quan trọng của môn KNGT giao tiếp đối với quá trình HT, nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của KNGT trong hoạt động nghiệp vụ đặc biệt và trong cuộc sống;
- Về thái độ: từ việc nhận thức đúng đắn và sâu sắc mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của môn học với quá trình hoạt động nghiệp vụ đặc biệt và trong cuộc sống hiện tại cũng như sau này của HV để HV có thái độ tích cực HT với môn KNGT. Thái độ tích cực thể hiện ở: tính chủ động, tự giác và độc lập trong HT, có nhu cầu nhận thức cao về môn học. Cụ thể HV cảm thấy niềm vui, phấn khởi trong HT, luôn hằng hái tìm các tài liệu liên quan đến môn học để tham khảo. Có động cơ HT đúng đắn, HV xác định học để nắm tri thức, kĩ năng kĩ xảo, phương thức chiếm lĩnh tri thức cũng như các kinh nghiệm trong giao tiếp, ứng xử. Từ đó mạnh dạn tự tin và làm chủ được mình trong các tình huống giao tiếp. Có hứng thú HT: HV luôn có tâm thế thoải mái, khi học tập môn KNGT, tích cực trong giờ học biểu hiện ở những hành động như chăm chú nghe giảng, hằng hái phát biểu xây dựng bài, tự giác hoàn thành bài tập; - Về hành động: khi HV nhận thức sâu sắc ý nghĩa bộ môn thì người học sẽ có thái độ tích cực tương ứng với nó là hành động tích cực. Mọi hành động học được thể hiện ở việc HV huy động tối đa các chức năng tâm lí vào việc HT, cũng như tìm ra PP HT có hiệu quả đối với bộ môn KNGT.

4. Giám nội dung lí thuyết, tăng nội dung thực hành

Bài học trở nên thú vị khi lời cuốn được HV vào nội dung bài học và HV được tham gia nhiều

nhất vào hoạt động chiếm lĩnh tri thức. Điều đó yêu cầu GV phải biết lồng ghép, tích hợp các nội dung kiến thức và kĩ năng, biết biến các kiến thức lí thuyết có sự kết nối với cuộc sống để làm giảm sự nhàm chán cho HV. Trong quá trình giảng dạy, cần biết sử dụng các câu chuyện, các tình huống từ đó rút ra các bài học để tăng sự sinh động, hứng thú cho bài giảng. Việc lồng ghép bài giảng lí thuyết và thực hành là điều cần thiết đối với việc giảng dạy hiện nay. Bởi lẽ, mục đích cuối cùng của việc DH là hướng người học tới sự thay đổi theo chiều hướng tích cực các mặt kiến thức, kĩ năng và thái độ của người học.

5. Thường xuyên tổ chức thảo luận nhóm, các buổi tranh luận về các vấn đề liên quan đến KNGT

Tổ chức các buổi thảo luận nhóm: GV nêu vấn đề, sau đó phân chia lớp học thành một số nhóm từ 3-5 HV. Từng nhóm cử ra nhóm trưởng và thư kí ghi chép ý kiến của nhóm mình, Tiếp theo các nhóm thảo luận và kết thúc phần thảo luận, các nhóm trưởng lần lượt báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình. GV chọn lấy các ý kiến đúng của các nhóm, sắp xếp theo logic. Đồng thời lí giải cho HV hiểu vì sao các ý đưa ra chọn lại đúng, thống kê các ý sai phân tích.

Tổ chức các buổi tranh luận: trong quá trình giảng dạy GV soạn thảo ra những vấn đề chứa đựng những mâu thuẫn nhất định. Vào giờ học GV nêu vấn đề đã chuẩn bị, yêu cầu HV trả lời và lập luận theo quan điểm của mình. Mục đích cuối cùng của cuộc tranh luận cần phải đạt được là sự bác bỏ những quan điểm đối lập, trong đó mỗi bên phải trả lời các quan điểm mà phía bên kia nêu ra. Điều này buộc người học phải lắng nghe cẩn thận những quan điểm của phía bên kia để hiểu rõ chúng. Thông qua cuộc tranh luận các thành viên trong lớp, sẽ tạo ra sự lắng nghe, suy nghĩ của tất cả mọi người để kết quả của sự tính hội tri thức đạt hiệu quả cao.

Việc tổ chức tọa đàm về PP HT môn KNGT sẽ giúp cho HV giải đáp thắc mắc, định hướng lại PP HT tìm ra được PP phù hợp với mình trong quá trình HT tại học viện cũng như quá trình học môn KNGT.

6. Phối hợp giữa HVKHQS với các đơn vị

Do đó, Học viện và các đơn vị cần phối hợp chặt chẽ giữa DT ở HVKHQS với bồi dưỡng tại đơn vị để không ngừng nâng cao KNGT cho quân nhân, đảm bảo cho quân nhân trưởng thành và phát triển, có đủ khả năng để hoàn thành nhiệm vụ trần giao.

Đơn vị hoạt động là nơi sử dụng đội ngũ cán

bộ được DT tại HVKHQS, cũng là nơi quân nhân đem những kiến thức về KNGT được HT tại trường vận dụng vào thực tế. Huấn luyện, bồi dưỡng KNGT cho quân nhân tại đơn vị sẽ bổ sung và tiếp tục trang bị cho quân nhân những nội dung mà thực tế hoạt động đòi hỏi, đảm bảo cho quân nhân hoàn thành nhiệm vụ được giao. Việc phối hợp giữa HVKHQS với đơn vị hoạt động trong DT bồi dưỡng nâng cao KNGT sẽ góp phần củng cố kiến thức cho quân nhân và hoàn thiện nội dung, chương trình, quy trình DT KNGT tại HVKHQS. Mỗi quan hệ gắn kết giữa HVKHQS với đơn vị hoạt động trong việc nâng cao KNGT của quân nhân phải được xem là một mặt công tác. Do vậy, phải thường xuyên rút kinh nghiệm, để nâng cao chất lượng, hiệu quả giao tiếp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Các biện pháp nêu trên có mối quan hệ mật thiết chặt chẽ với nhau, nội dung biện pháp này là điều kiện, tiền đề của biện pháp kia. Do vậy, khi thực hiện các nội dung biện pháp

không được xem nhẹ hay tùy tiện cắt bỏ bất cứ biện pháp nào. □

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Anh - Nguyễn Thanh Bình - Vũ Kim Thanh. *Giáo trình tâm lý học giao tiếp*. NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2004.
2. Vũ Dũng. *Từ điển tâm lý học*. NXB Khoa học xã hội, H 2000.
3. Vũ Dũng. *Tâm lý học giao tiếp*. Trường Cao đẳng Lao động xã hội, H 2003.
4. Phạm Thị Tuyết. *Kỹ năng giao tiếp của cán bộ giao dịch ngân hàng* (Luận án tiến sĩ Tâm lý học). Viện Tâm lý học - Viện KHXH Việt Nam, 2010.
5. Tập thể tác giả. *Giao tiếp - sự mở đầu của những thành công*. NXB Văn hóa thông tin, H 2005.

SUMMARY

The article introduces several measures for teaching and learning communication skill at the Academy of Military Science: activation teaching, promotion of learners' activeness in learning communication skill, decrease of theory and increase of practice, usual organization of group discussion...

Định hướng giá trị nghề nghiệp...

(Tiếp theo trang 11)

và chủ quan. Những yếu tố này trở thành căn cứ để các em lựa chọn nghề nghiệp. Nhìn chung, những căn cứ chọn nghề của HS DTTS phù hợp với yêu cầu của công tác hướng nghiệp trong nhà trường.

Trong hệ thống giá trị nghề nghiệp được lựa chọn, HS DTTS chủ yếu hướng tới những giá trị có liên quan đến sự phù hợp về sở trường, năng lực của bản thân đối với nghề nghiệp, tính chất ổn định, cơ hội phát triển, những giá trị vật chất và tinh thần mà nghề mang lại. Một số giá trị liên quan đến tính mới mẻ, sự năng động và khả năng thích ứng nhanh của nghề ít được các em tiếp nhận.

Xu hướng chọn nghề của HS DTTS chịu ảnh hưởng của những đặc điểm giới tính, đồng thời biểu hiện khá tập trung. Nhìn chung, nhóm nghề có đối tượng là con người và nhóm nghề liên quan đến kỹ thuật thu hút được sự quan tâm của nhiều HS DTTS.

Nhà trường cần tăng cường tổ chức các hình thức hoạt động tập thể giúp HS DTTS tích cực hơn trong học tập, mạnh dạn, tự tin hơn trong giao tiếp. Tăng cường giáo dục giá trị, ĐHGTTN cho HS thông qua các hình thức hoạt động như ngoại

khóa, tham quan, du lịch, tư vấn nghề nghiệp... Thông qua những hình thức hoạt động này, HS sẽ được mở rộng tầm hiểu biết, có nhận thức đúng đắn và thái độ tích cực đối với các giá trị nghề nghiệp trong xã hội.

Sự kết hợp giữa các lực lượng: gia đình, nhà trường, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức Đoàn Thanh niên, chính quyền địa phương... trong hoạt động giáo dục ĐHGTTN cho HS là rất cần thiết. □

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Minh Hạc. *Tâm lý học nghiên cứu con người trong thời đổi mới*. NXB Giáo dục, H. 2006.
2. Lê Văn Hồng - Lê Ngọc Lan - Nguyễn Văn Thành. *Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2001.
3. Thái Duy Tuyên. *Tìm hiểu định hướng giá trị của thanh niên trong điều kiện kinh tế thị trường*. NXB Hà Nội, 1993.

SUMMARY

Some aspects of occupational values orientation of minority upper secondary students in Thái Nguyên province: future intention, reasons occupational choices, occupational values orientation and trends in career choices. Besides that, this article deals with some elements that affect occupational values orientation; proposes some social and psychological measures in order to contribute to occupational values orientation education to minority students.